

Bản án số: 03/ 2020/DS - ST.

Ngày 13-02-2020.

V/v T/c hợp đồng vay tài sản .

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẠ HÒA, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lạc.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Tiến Thát
2. Ông Nguyễn Văn Tiêm

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hạ Hòa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hạ Hòa tham gia phiên tòa:
Bà Đinh Phương Mai – Kiểm sát viên

Trong ngày 13 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hạ Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2019/TLST- DS ngày 13 tháng 12 năm 2019 về Tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2020/QĐXXST - DS ngày 03 tháng 01 năm 2020 giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Anh Phạm Kim L, sinh năm 1965 (Có mặt)

Chị Nguyễn Thúy V, sinh năm 1972 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu 8 Thị trấn H, huyện H, tỉnh Phú thọ

(Chị V ủy quyền cho anh L theo văn bản ủy quyền ngày 13/12/2019)

2- Bị đơn: Anh Nguyễn Vinh Q, sinh năm 1986

HKTT: Số nhà 16 tổ 24A Khu 13 Phường G, TP V, tỉnh Phú thọ

Chỗ ở: Khu 11 Thị trấn H, huyện H, tỉnh Phú thọ

(Anh Q hiện đang chấp hành án phạt tù tại phân trại số 1 Trại giam Tân Lập – Cục C10 Bộ công an – Địa chỉ: Xã V, huyện H, tỉnh Phú thọ). Anh Q có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị Trần Thị Lê N, sinh năm 1987 – là vợ anh Q (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà 16 tổ 24A Khu 13 Phường G, TP V, tỉnh Phú thọ

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tại bản tự khai và tại phiên tòa, anh Phạm Kim L trình bày: Năm 2014, 2015 khi đó anh Nguyễn Vinh Q công tác tại Phòng giao

dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Hạ Hòa có vay tiền của vợ chồng tôi những lần cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Ngày 07/10/2014 vay số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), thời hạn trả tiền ngày 06/10/2015, lãi suất do hai bên thỏa thuận. Anh Q có viết giấy biên nhận vay với lý do để mua ô tô.

Lần thứ hai: Đến ngày 06/4/2015 anh Q vay tiếp số tiền 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng) với lý do để xin việc. Anh Q hẹn đến ngày 06/10/2015 trả tiền, lãi suất do hai bên thỏa thuận.

Lần thứ ba: Ngày 29/12/2015 anh Q vay số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng), lãi suất do hai bên thỏa thuận. Số tiền này không thỏa thuận thời hạn trả.

Tổng số tiền anh Q vay của vợ chồng tôi là 210.000.000đ (Hai trăm mười triệu đồng).

Trong khoảng thời gian vay trên, anh Q đã thực hiện trả tiền lãi đầy đủ theo thỏa thuận. Tuy nhiên hết thời hạn cam kết trả tiền, anh Q không trả tiền gốc đã vay và cũng không trả tiền lãi cho vợ chồng tôi. Nay tôi yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Nguyễn Vinh Q phải hoàn trả cho vợ chồng tôi số tiền gốc đã vay là 210.000.000đ và số tiền trên được tính lãi từ ngày 01/12/2016 đến ngày mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án (ngày 13/02/2020) là 38 tháng 12 ngày với lãi suất là 1,5% một tháng.

Tại bản tự khai ngày 25/12/2019 tại trại giam Tân Lập, anh Nguyễn Vinh Q trình bày: Năm 2014 anh có vay của vợ chồng anh chị Phạm Kim L, Nguyễn Thúy V ở khu 8 Thị trấn H số tiền là 100.000.000đ. Tháng 4/2015 vay tiếp số tiền 80.000.000đ . Đến ngày 29/12/2015 vay 30.000.000đ. Tổng 3 lần vay với số tiền là 210.000.000đ. Nay anh chị V, L khởi kiện đòi lại số tiền đã cho vay, anh đồng ý và nhận trách nhiệm trả số tiền trên. Tuy nhiên về lãi suất anh xin được trả 1,2%/tháng vì hiện nay anh không có điều kiện. Chấp nhận việc anh chị L V yêu cầu tính tiền lãi từ ngày 01/12/2016 cho đến ngày mở phiên tòa xét xử sơ thẩm. Toàn bộ số tiền vay trên anh Q xác định không liên quan gì đến chị N (vợ anh Q). Anh Q có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Chị Trần Thị Lê N (vợ anh Q) là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Chồng chị là anh Nguyễn Vinh Q có vay của anh Phạm Kim L với số tiền là 210.000.000đ. Đây là số tiền anh Q vay để chi tiêu cá nhân, chị không biết và không liên quan đến số nợ trên.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán và thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của BLTTDS. HĐXX đảm bảo trình tự thủ tục quy định tại phiên tòa.

Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Kim L và chị Nguyễn Thúy V. Buộc anh Nguyễn Vinh Q có trách nhiệm trả cho anh Phạm Kim L và chị Nguyễn Thúy V số tiền gốc là 210.000.000đ (Hai trăm mười triệu đồng) và tiền lãi là 96.768.000 (Chín mươi sáu triệu bảy trăm sáu mươi tám

ngàn đồng). Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 210.000.000đ + 96.768.000đ = **306.768.000đ (Ba trăm linh sáu triệu bảy trăm sáu mươi tám ngàn đồng)**

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 của BLDS năm 2015.

Án phí DSST: Buộc anh Nguyễn Vinh Q phải chịu 15.338.400đ.

Hoàn trả cho chị Nguyễn Thúy V số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục THADS huyện Hạ Hòa.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Năm 2014,2015 anh Nguyễn Vinh Q công tác tại Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Hạ Hòa và ở tại khu 11 Thị trấn H, huyện H. Hiện nay anh Q đang chấp hành án phạt tù tại Phân trại số 1 Trại giam Tân Lập. Anh Q viết giấy vay tiền của vợ chồng anh chị Phạm Kim L, Nguyễn Thúy V đến hạn nhưng không trả, anh chị L V khởi kiện đến TAND huyện Hạ Hòa yêu cầu giải quyết. Xác định quan hệ pháp luật giải quyết: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản (tiền). Căn cứ khoản 3 điều 26 -BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Hạ Hòa. Căn cứ khoản 2 điều 207 – BLTTDS vụ án không thể tiến hành hòa giải được do anh Q đang chấp hành án phạt tù tại trại giam. Anh Q có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 điều 228- BLTTDS, Tòa án đưa vụ án ra xét xử để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

[2] Về nội dung: Anh Phạm Kim L và chị Nguyễn Thúy V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc anh Nguyễn Vinh Q vay tiền đến hạn nhưng không hoàn trả. Cụ thể có 3 lần vay: Lần thứ nhất: Ngày 07/10/2014 vay số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), thời hạn trả tiền ngày 06/10/2015; lần thứ hai: ngày 06/4/2015 anh Q vay tiếp số tiền 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng), hẹn đến ngày 06/10/2015 trả tiền; lần thứ ba: ngày 29/12/2015 anh Q vay số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng), không thỏa thuận thời hạn trả. Tổng số tiền anh Q vay của vợ chồng anh L, chị V là 210.000.000đ (Hai trăm mười triệu đồng). Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh L công nhận anh Q đã trả tiền lãi đầy đủ theo lãi xuất hai bên thỏa thuận. Tuy nhiên hết thời hạn thỏa thuận hoàn trả tiền gốc, anh Q không trả. Nay yêu cầu anh Q phải có trách nhiệm hoàn trả số tiền gốc đã vay là 210.000.000đ và chỉ yêu cầu tính lãi từ ngày 01/12/2016 đến ngày 13/02/2020 (ngày mở phiên tòa xét xử sơ thẩm) là 38 tháng 12 ngày. Tại phiên tòa, anh Lưu đồng ý tính lãi suất là 1,2%/tháng/số tiền gốc đã vay, không yêu cầu tính lãi quá hạn. HĐXX xét thấy: 03 giấy biên nhận

vay tiền đều do anh Nguyễn Vinh Q viết và ký giấy vay. Chị N không biết và cũng không cùng ký. Anh Q thừa nhận vay số tiền trên là để sử dụng vào việc chi tiêu cá nhân, anh cũng không sử dụng vào sinh hoạt trong gia đình. Như vậy xác định chị N (vợ anh Q) không liên quan đến số tiền anh Q đã vay của anh L, chị V. Yêu cầu khởi kiện và quan điểm của anh L tại phiên tòa phù hợp với quy định của pháp luật, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Kim L và chị Nguyễn Thúy V. Cần buộc anh Nguyễn Vinh Q phải có trách nhiệm hoàn trả cho anh Phạm Kim L và chị Nguyễn Thúy V số tiền gốc đã vay là 210.000.000đ (Hai trăm mười triệu đồng) và tiền lãi được tính từ ngày 01/12/2016 đến ngày 13/02/2020 là 38 tháng 12 ngày với lãi suất là 1,2%/tháng. Như vậy số tiền lãi sẽ được tính như sau: $210.000.000đ \times 1,2\% \times 38 \text{ tháng } 12 \text{ ngày} = 96.768.000đ$. Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là $210.000.000đ + 96.768.000đ = 306.768.000đ$.

[3] Về thu thập, đánh giá chứng cứ: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã thu thập được những tài liệu gồm: 03 giấy biên nhận do anh Q viết; biên bản xác minh thời gian công tác của anh Q tại Ngân hàng chính sách tỉnh Phú thọ.

[4] Căn cứ nhận định trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Kim L và chị Nguyễn Thúy V có căn cứ chấp nhận. Cần buộc anh Nguyễn Vinh Q có trách nhiệm hoàn trả số tiền gốc đã vay và số tiền lãi đã được tính cụ thể tại điểm [2].

[5] Về án phí DSST: Buộc anh Nguyễn Vinh Q phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Hoàn trả cho chị Nguyễn Thúy V số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điều 463, điểm a khoản 5 điều 466, 468, 357, khoản 1 điều 688 – BLDS năm 2015; khoản 1 điều 147 – BLTTDS; khoản 2 điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Xử: Buộc anh Nguyễn Vinh Q có trách nhiệm trả cho anh Phạm Kim L và chị Nguyễn Thúy V số tiền gốc là 210.000.000đ (Hai trăm mười triệu đồng) và tiền lãi là 96.768.000 (Chín mươi sáu triệu bảy trăm sáu mươi tám nghìn đồng). Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là $210.000.000đ + 96.768.000đ = 306.768.000đ$ (**Ba trăm linh sáu triệu bảy trăm sáu mươi tám nghìn đồng**)

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 của BLDS năm 2015.

Án phí DSST: Buộc anh Nguyễn Vinh Q phải chịu 15.338.400đ (Mười lăm triệu ba trăm ba mươi tám nghìn bốn trăm đồng).

Hoàn trả cho anh Phạm Kim L (do chị Nguyễn Thúy V nộp thay) số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số AA/2017/0002142 ngày 13/12/2019 của Chi cục THADS huyện Hạ Hòa.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự có mặt có quyền kháng cáo lên TAND tỉnh Phú thọ yêu cầu xét xử phúc thẩm. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- Các đương sự
- VKSND H. Hạ Hòa
- CCTHADS H.Hạ Hòa
- Lưu HS-VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thị Lạc